



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7-8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Hội đồng Quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mẫn Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông Mẫn Hồng Cần	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quế	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Cương	Ủy viên
Ông Tạ Xuân Kiên	Ủy viên
Ông Trần Vĩnh Hưng	Ủy viên

<u>Ban Tổng Giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mẫn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Mẫn Hồng Cần	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Xuân Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kim Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lục Xít	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Đình Tinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Trần Lục Xít
Phó Tổng Giám đốc

Số: 268 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/08/2015 từ trang 04 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015 và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán trừ của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 06 - Phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại thời điểm kết thúc năm tài chính 31/03/2015, Công ty có một số khoản công nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá các khoản phải thu này có khả năng thu hồi do đó không trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng khoản dự phòng phải thu khó đòi. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan tới vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này phát hành thay thế Báo cáo kiểm toán số 236/VACO/BCKT.NV2 đã phát hành ngày 25/06/2015 do thay đổi giá trị phần vốn góp bằng công nợ theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐK HN Kiểm toán số: 0294-2013-156-1

Vũ Kim Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐK HN Kiểm toán số: 2336-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/04/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)			1.025.164.048.090	1.209.376.576.604
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.416.437.752	65.471.147.083
1. Tiền	111		4.416.437.752	65.471.147.083
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		707.621.041.844	960.091.858.678
1. Phải thu khách hàng	131	6	138.210.098.582	242.787.859.253
2. Trả trước cho người bán	132		45.732.934.968	45.770.047.796
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	316.737.714.860	378.146.441.497
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	8	206.940.293.434	293.387.510.132
III. Hàng tồn kho	140	9	300.485.385.727	176.683.271.656
1. Hàng tồn kho	141		300.485.385.727	176.683.271.656
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.641.182.767	7.130.299.187
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	621.454.862	635.246.212
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.611.763.313	2.360.644.959
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	101.903.219
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	1.407.964.592	4.032.504.797
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)			1.262.141.689.124	1.229.712.073.063
I. Tài sản cố định	220		361.217.938.981	465.877.149.091
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	51.771.340.514	51.621.272.655
- Nguyên giá	222		112.352.641.117	106.757.424.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.581.300.603)	(55.136.152.204)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.072.247.902	1.124.474.926
- Nguyên giá	228		1.463.337.543	1.463.337.543
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(391.089.641)	(338.862.617)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	308.374.350.565	413.131.401.510
II. Bất động sản đầu tư	240	15	25.448.656.789	28.853.886.884
- Nguyên giá	241		26.171.565.545	29.483.053.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(722.908.756)	(629.166.661)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		867.704.593.747	724.039.746.369
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	765.544.773.644	653.558.846.266
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	400.000.000	400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	18	101.759.820.103	70.080.900.103
IV. Tài sản dài hạn khác	260		7.770.499.607	10.941.290.719
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	7.710.499.607	10.881.290.719
2. Tài sản dài hạn khác	268		60.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.287.305.737.214	2.439.088.649.667

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/04/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.037.742.387.335	1.375.547.642.553
I. Nợ ngắn hạn	310		692.218.679.812	992.295.096.805
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	385.650.309.671	437.792.456.946
2. Phải trả người bán	312	21	232.752.296.294	71.862.236.801
3. Người mua trả tiền trước	313		2.876.166.600	2.478.288.808
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	6.289.457.232	26.819.420
5. Phải trả người lao động	315		1.621.454.000	1.740.553.200
6. Chi phí phải trả	316		1.327.224.423	4.901.602.325
7. Phải trả nội bộ	317	23	818.918.355	469.700.070.407
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	24	60.882.853.237	3.793.068.898
II. Nợ dài hạn	330		345.523.707.523	383.252.545.748
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332		34.312.309.161	-
2. Phải trả dài hạn khác	333	25	6.040.000.000	52.307.245.469
3. Vay và nợ dài hạn	334	26	304.657.618.361	329.942.152.598
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		513.780.001	1.003.147.681
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1.249.563.349.879	1.063.541.007.114
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	1.249.563.349.879	1.063.541.007.114
1. Vốn điều lệ	411		1.100.000.000.000	766.111.437.372
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	136.107.750.000
3. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		149.563.349.879	161.321.819.742
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.287.305.737.214	2.439.088.649.667

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/03/2015	01/04/2014
1. Ngoại tệ các loại		
Tiền gửi USD	58.513,52	13.645,00
Tiền gửi EUR	210,32	203,00



Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 42 tháng 08 năm 2015

Trần Lạc Xít
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		1.677.864.390.670	2.647.795.480.302
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		44.349.539	71.999.999
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	1.677.820.041.131	2.647.723.480.303
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	1.572.379.044.090	2.543.027.933.430
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		105.440.997.041	104.695.546.873
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	52.027.778.839	8.941.493.736
7. Chi phí tài chính	22	31	62.101.456.434	64.476.643.915
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		58.041.127.471	60.455.575.932
8. Chi phí bán hàng	24		8.523.802.583	7.013.945.123
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.946.572.815	29.200.932.329
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		49.896.944.048	12.945.519.242
11. Thu nhập khác	31		716.118.320	34.755.158.179
12. Chi phí khác	32		4.117.433.419	33.051.035.506
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	32	(3.401.315.099)	1.704.122.673
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		46.495.628.949	14.649.641.915
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	1.247.497.937	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		45.248.131.012	14.649.641.915



Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Trần Lục Xít
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015

MẪU SỐ B 03 - DN
 Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	46.495.628.949	14.649.641.915
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	7.075.422.731	6.531.030.382
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	1.197.575.625	1.600.388.455
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(47.494.318.353)	(3.916.276.621)
Chi phí lãi vay	6	58.041.127.471	60.455.575.932
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	65.315.436.423	79.320.360.063
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	246.999.399.469	(62.483.849.719)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(123.802.114.071)	58.573.094.619
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	381.353.613.373	(233.298.218.850)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	3.229.890.530	4.867.169.679
Tiền lãi vay đã trả	13	(57.917.533.788)	(60.455.575.932)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(36.041.935)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.338.166.000)	(10.019.427.541)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	510.840.525.936	(223.532.489.616)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.245.462.827)	(28.822.081.813)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	708.400.000	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.508.049.931	194.699.050.550
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(448.802.876)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.795.367.422	3.916.276.621
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	37.766.354.526	169.344.442.482
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	197.780.812.628	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	170.545.289.416	866.854.425.994
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(977.633.375.195)	(754.353.641.907)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(353.847.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(609.661.120.151)	112.500.784.087
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(61.054.239.689)	58.312.736.953
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	65.471.147.083	7.158.410.130
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(469.642)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.416.437.752	65.471.147.083


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015

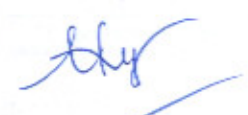
Thông tin phi tiền tệ

- Trong kỳ, Công ty chi trả cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với giá trị 136.107.750.000 VND.
- Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/12/2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu bằng tiền với tỷ lệ 5,91%, tương ứng 56.966.035.000 VND. Tuy nhiên trong kỳ Công ty thanh toán một phần, số còn lại phải trả 56.655.688.000 VND đã được ghi giảm trên chỉ tiêu cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu và tăng các khoản phải trả.
- Trong kỳ, Công ty vay ngân hàng thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp với giá trị là 577.429.677.196 VND, vay nộp tiền thuế là 39.536.483.075 VND và thanh toán các khoản phải trả nội bộ với giá trị là 67.706.739.848 VND. Do đó, chỉ tiêu tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được và các chỉ tiêu tăng giảm các khoản phải trả được điều chỉnh giảm cùng một khoản tương ứng.




Mãn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2015


Trần Lục Xít
Phó Tổng Giám đốc


Trần Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 2300296337 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 14 tháng 2 năm 2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 08 năm 2011. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 1.100.000.000.000 VND (Một nghìn một trăm tỷ đồng).

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh gồm:

Cổ đông	Số CP	Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh		Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/03/2015	
		VND	%	VND	%
Công ty TNHH Hồng Ngọc	65.269.400	652.694.000.000	59,34	744.858.570.000	67,71
Mấn Ngọc Anh	18.583.400	185.834.000.000	16,89	252.332.280.000	22,94
Đặng Đình Tính	-	-	-	38.448.420.000	3,50
Các cổ đông khác	26.147.200	261.472.000.000	23,77	64.360.730.000	5,85
Tổng cộng	110.000.000	1.100.000.000.000	100,00	1.100.000.000.000	100,00

Trụ sở theo Giấy chứng nhận đầu tư: Khu công nghiệp Hanaka - Thị xã Từ Sơn - Bắc Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2015 là 135 người (tại ngày 31/03/2014 là 163 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35K.V, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110K.V đến 220K.V, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xè băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35K.V;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 mm;
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vện xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cột (các sản phẩm bằng đồng);
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Sản xuất xi măng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Sản xuất các loại kim loại;
- Đầu tư thủy điện, nhiệt điện, kinh doanh mua bán điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, san lấp mặt bằng;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh môi giới, đầu giá bất động sản;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh siêu thị, làm đại lý bán vé máy bay, vé tàu xe, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, thẩm quật, xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu;
- Cho thuê bãi đỗ xe, nhà xưởng sản xuất, kho tàng phương tiện vận tải và máy móc thiết bị;
- Tháo dỡ công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại), cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su, bột cao su, nhựa đường;
- Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015 được lập trên cơ sở cộng hợp số liệu của Báo cáo tài chính của Công ty và Trung tâm thương mại Hồng Kông.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư này kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2015 đến ngày 31/03/2016.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 31/03/2015, một số khoản công nợ phải thu ngắn hạn của Công ty đã quá hạn thanh toán, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ này vẫn có khả năng thu hồi trong thời gian tới, do đó Công ty chưa trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng kỳ như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, phụ tùng, các dụng cụ hành chính và các công cụ dụng cụ phục vụ thi công tại các công trình. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng kỳ theo tỷ lệ % hàng tháng, thời gian phân bổ vào chi phí tối đa là ba năm.

Các khoản giao dịch nội bộ trong tập đoàn

Các khoản công nợ phát sinh giữa Công ty với các công ty con trong cùng Tập đoàn: Công ty đang theo dõi và trình bày trên khoản mục phải thu nội bộ, phải trả nội bộ phục vụ cho mục đích quản trị của Tập đoàn.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính, theo đó:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật và được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN là 20% áp dụng đối với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất trong thời hạn 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh của Nhà máy Thiết bị Điện Hanaka (năm 2002) và được miễn thuế TNDN trong 02 năm và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất. Năm 2005 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	387.789.178	539.164.963
Tiền gửi ngân hàng	4.028.648.574	64.931.982.120
Cộng	<u>4.416.437.752</u>	<u>65.471.147.083</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Bia Rượu - NGK Sài Gòn	34.013.479.471	20.928.510.613
Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình	33.354.402.078	-
Công ty CP Cấp điện và Hệ thống LS Vina	18.712.126.400	-
Công ty TNHH MTV ĐL Hải Phòng	6.705.135.597	45.171.800
Công ty Điện lực Lạng Sơn	6.218.550.237	-
Công ty Điện lực Tân Phú	6.113.958.147	-
Công ty Cổ phần kim loại màu và nhựa Đồng Việt	5.372.309.215	-
BQLDA cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc	3.927.221.554	3.779.471.116
Công ty Cấp điện lực Kevin Việt Nam	3.497.250.000	3.497.250.000
Tổng Công ty điện lực TP. Hà Nội	3.058.864.599	17.241.940.593
Ban Quản lý các dự án công trình điện Miền Bắc	640.888.086	16.850.489.624
Ban Quản lý các dự án công trình điện Miền Trung	173.724.147	170.612.997
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (PC3)	59.311.053	17.138.793.746
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	-	136.004.485.577
Công ty Cổ phần Địa ốc cấp điện Thịnh Phát	-	5.451.582.091
Công ty Điện lực Cầu Giấy	-	4.153.008.750
Các đối tượng khác	16.362.877.998	17.526.542.346
Cộng	<u><u>138.210.098.582</u></u>	<u><u>242.787.859.253</u></u>

7. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Hồng Ngọc	124.377.464.071	314.905.086.963
Công ty CP Tư vấn thiết kế và XD Công nghiệp HANAKA	18.730.071.380	18.463.561.398
Công ty Cổ phần Sản xuất dây điện từ Hanaka	162.039.766.230	38.000.000.000
Công ty Cổ phần REXAM A.B.M	4.620.932.043	-
Công ty Cổ phần bao bì Hanaka A.B.M	6.777.793.136	6.777.793.136
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka	191.688.000	-
Cộng	<u><u>316.737.714.860</u></u>	<u><u>378.146.441.497</u></u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Xuất đời MBA, bảo hành	694.204.809	1.145.457.123
Mẫn Ngọc Anh	191.418.376.341	126.737.465.078
Mẫn Thị Mai	362.375.000	362.375.000
Chi vượt quỹ công đoàn	784.112.960	779.192.578
Quỹ khen thưởng phúc lợi chi quá	601.263.781	340.540.781
Vũ Hoài Nam	12.685.000.000	12.685.000.000
Cho vay mua cổ phần các cá nhân	-	151.239.729.012
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	394.960.543	97.750.560
Cộng	<u><u>206.940.293.434</u></u>	<u><u>293.387.510.132</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	60.493.565.738	3.524.013
Nguyên liệu, vật liệu	90.840.881.266	78.936.417.071
Công cụ, dụng cụ	1.036.276.219	1.219.396.108
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	94.440.530.110	59.095.803.824
Thành phẩm	53.526.640.429	36.779.581.561
Hàng hoá	147.491.965	648.549.079
Cộng	<u>300.485.385.727</u>	<u>176.683.271.656</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	<u>300.485.385.727</u>	<u>176.683.271.656</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Từ 01/04/2014</u>	<u>Từ 01/04/2013</u>
	<u>đến 31/03/2015</u>	<u>đến 31/03/2014</u>
	VND	VND
Số đầu năm	635.246.212	597.442.808
- Số tăng trong kỳ	34.760.892	613.363.262
- Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(48.552.242)	(575.559.858)
Số dư cuối năm	<u>621.454.862</u>	<u>635.246.212</u>

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	629.145.132	580.342.327
Tạm ứng cho nhân viên	677.604.560	1.124.607.308
Cầm cố, ký cược ký quỹ ngắn hạn	101.214.900	2.327.555.162
Cộng	<u>1.407.964.592</u>	<u>4.032.504.797</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/04/2014	33.288.180.452	64.812.377.494	7.547.566.516	1.109.300.397	106.757.424.859
Tăng do mua sắm	-	4.866.315.593	-	-	4.866.315.593
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	2.258.513.946	-	-	2.258.513.946
Thanh lý	-	(579.438.157)	-	-	(579.438.157)
Phân loại lại theo TT 45	-	(950.175.124)	-	-	(950.175.124)
Tại ngày 31/03/2015	33.288.180.452	70.407.593.752	7.547.566.516	1.109.300.397	112.352.641.117
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/04/2014	8.660.013.155	41.510.772.319	3.916.115.636	1.049.251.094	55.136.152.204
Khấu hao trong năm	1.076.603.047	5.329.473.228	499.337.329	24.040.008	6.929.453.612
Thanh lý, nhượng bán	-	(579.438.157)	-	-	(579.438.157)
Phân loại lại theo TT 45	-	(904.867.056)	-	-	(904.867.056)
Tại ngày 31/03/2015	9.736.616.202	45.355.940.334	4.415.452.965	1.073.291.102	60.581.300.603
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/04/2014	24.628.167.297	23.301.605.175	3.631.450.880	60.049.303	51.621.272.655
Tại ngày 31/03/2015	23.551.564.250	25.051.653.418	3.132.113.551	36.009.295	51.771.340.514

Hầu hết các tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị đang được Công ty đem đi thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao đang sử dụng tại ngày 31/3/2015 là 33.397.375.420 VND.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/04/2014	1.309.097.613	154.239.930	1.463.337.543
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/03/2015	1.309.097.613	154.239.930	1.463.337.543
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/04/2014	207.758.651	131.103.966	338.862.617
Khấu hao trong năm	29.091.060	23.135.964	52.227.024
Tại ngày 31/03/2015	236.849.711	154.239.930	391.089.641
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/04/2014	1.101.338.962	23.135.964	1.124.474.926
Tại ngày 31/03/2015	1.072.247.902	-	1.072.247.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	10.614.008.578	121.123.667.323
Nhà xưởng cấp mở rộng	-	19.224.000.001
Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Hanaka	193.487.308.982	170.985.208.706
Nhà xưởng tập đoàn Hanaka	4.346.164.580	3.996.412.760
Xưởng máy biến áp truyền tải	96.176.247.942	94.187.855.870
Xưởng Hatachi	3.560.139.761	3.560.139.764
Chi phí xây dựng khác	190.480.722	54.117.086
Cộng	<u>308.374.350.565</u>	<u>413.131.401.510</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản trong kỳ

	<u>Từ 01/04/2014</u>	<u>Từ 01/04/2013</u>
	<u>đến 31/03/2015</u>	<u>đến 31/03/2014</u>
	VND	VND
Số đầu năm	413.131.401.510	252.775.655.493
- Số tăng trong kỳ	44.046.210.379	221.901.582.017
- Kết chuyển tăng tài sản	(2.258.513.946)	-
- Mang góp vốn vào Công ty con	(146.544.747.378)	-
- Giảm khác	-	(61.545.836.000)
Số dư cuối năm	<u>308.374.350.565</u>	<u>413.131.401.510</u>

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Nhà cửa và quyền</u>	<u>Tổng</u>
	<u>sử dụng đất</u>	<u>VND</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/04/2014	29.483.053.545	29.483.053.545
Tăng trong kỳ	326.111.000	326.111.000
Thanh lý	(3.637.599.000)	(3.637.599.000)
Tại ngày 31/03/2015	<u>26.171.565.545</u>	<u>26.171.565.545</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/04/2014	629.166.661	629.166.661
Trích khấu hao trong kỳ	93.742.095	93.742.095
Tại ngày 31/03/2015	<u>722.908.756</u>	<u>722.908.756</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/04/2014	<u>28.853.886.884</u>	<u>28.853.886.884</u>
Tại ngày 31/03/2015	<u>25.448.656.789</u>	<u>25.448.656.789</u>

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka	163.994.459.241	163.994.459.241
Công ty Cổ phần Rexam A.B.M	186.631.550.524	186.631.550.524
Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka Korea	414.918.763.879	268.374.016.501
Công ty Cổ phần Rexam Hanacans	-	34.558.820.000
Cộng	<u>765.544.773.644</u>	<u>653.558.846.266</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VND
Công ty CP XD Công nghiệp Hanaka	400.000.000	400.000.000
Cộng	400.000.000	400.000.000

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VND
Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Hồng Ngọc để xây dựng Trung tâm Thương mại Hồng Kông	60.000.000.000	60.000.000.000
Mua cổ phần của Công ty CP Thiết bị điện (THIBIDI)	9.632.097.500	9.632.097.500
Mua cổ phiếu Ngân hàng BIDV	448.802.603	448.802.603
Công ty Cổ phần Rexam Hanacans	31.678.920.000	-
Cộng	101.759.820.103	70.080.900.103

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh (i)	5.157.387.984	7.907.994.908
Chi phí khác	2.553.111.623	2.973.295.811
Cộng	7.710.499.607	10.881.290.719

Ghi chú: (i) Giá trị lợi thế kinh doanh là giá trị lợi thế được xác định khi chuyển đổi Nhà máy thiết bị điện Hanaka sang Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka theo Văn bản số 127/TĐG-KQ ngày 12/02/2007 và Công văn số 38N/TĐG-CV ngày 03/04/2007 của Trung tâm Thẩm định giá - Bộ Tài chính và đã được các cổ đông sáng lập thông qua theo Biên bản họp ngày 12/02/2007. Công ty phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh này trong thời gian 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi tiết số dư như sau:

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND	VND
Số đầu năm	10.881.290.719	15.786.263.802
- Số tăng trong năm	440.008.435	2.859.458.389
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(3.624.396.095)	(4.430.670.047)
- Tăng giảm khác	13.596.548	(3.333.761.425)
Số dư cuối năm	7.710.499.607	10.881.290.719

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn VND	316.360.999.671	294.288.102.345
Ngân hàng NN&PTNT Bắc Ninh (i)	29.397.880.376	121.370.525.189
Ngân hàng ĐT&PT VN Chi nhánh SGD I (ii)	286.963.119.295	172.917.577.156
Vay ngắn hạn ngoại tệ	-	143.504.354.601
Ngân hàng ĐT&PT VN Phòng GD6-SGD	-	143.504.354.601
Cộng	385.650.309.671	437.792.456.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tín dụng số 2600 - LAV - 201300771 ngày 14/11/2013 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Bắc Ninh. Hạn mức tín dụng 250.000.000.000 VND. Thời hạn vay cụ thể của mỗi lần giải ngân, được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa 6 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay VND là 11%/năm và USD, EUR là 5,5%/năm, điều chỉnh lãi 1 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty.
- (ii) Hợp đồng hạn mức tín dụng và bảo lãnh số 09.09/175407/2013/HỆTDHM ngày 09/09/2013 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1. Hạn mức tín dụng là 550.000.000.000 VND trong đó mức dư nợ cho vay LC và bảo lãnh thanh toán không quá 350.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên vật liệu sản xuất dây cáp điện. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất được xác định tại các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Bảo đảm tiền vay là thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty theo các Hợp đồng cầm cố, thế chấp đã ký kết với ngân hàng; uy tín và năng lực tài chính của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh cáp; và thế chấp tài sản hình thành theo các hợp đồng nhập khẩu, hợp đồng mua bán trong nước bằng nguồn vốn tự có của Công ty và nguồn vốn vay BIDV bao gồm: Nguyên vật liệu tồn kho, nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, bán thành phẩm, thành phẩm và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế cung cấp sản phẩm của Công ty.

Từ ngày 06/10/2014, Hợp đồng số 09.09/175407/2013/HỆTDHM ngày 09/09/2013 nêu trên được thay thế bằng Hợp đồng tín dụng hạn mức và bảo lãnh số 01/2014/175407/HỆTDHM ngày 06/10/2014 và Phụ lục hợp đồng sửa đổi số PL01/01/2014/175407/HỆTDHM ngày 15/10/2014 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1. Hạn mức tín dụng là 1.000.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trong đó dư nợ bảo lãnh, LC và dư nợ vay tối đa không vượt quá giới hạn 1.000.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C và các sản phẩm tín dụng khác nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka. Thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 30/09/2015. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Các biện pháp bảo đảm được ký kết giữa bên vay/bên bảo đảm với ngân hàng có phạm vi bảo đảm bao gồm hợp đồng tín dụng này.

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Công ty CP Kinh doanh vật tư Vinametal	5.715.348.626	32.030.890.948
JFE Shoji Steel Vietnam Co. Ltd (JSSV)	1.119.235.194	3.467.411.750
Sumitomo Coporation (Singapore) Pte Ltd	23.001.748.208	4.820.143.382
Công ty TNHH PERSTIMA (Việt Nam)	2.495.495.372	2.562.825.101
Rusteel Trading Limited	13.531.270.000	-
Aurubis Finland OY	4.057.804.916	-
KTS Co., Ltd	8.097.565.829	1.174.183
TSC Co., Ltd	-	2.329.406.800
Glencore International AG	71.247.182.816	12.094.756.732
Công ty cổ phần Rexam Hanacans	83.706.665.583	-
Các đối tượng khác	19.779.979.750	14.555.627.905
Cộng	<u>232.752.296.294</u>	<u>71.862.236.801</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.038.792.372	18.096.343
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.166.923	8.723.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.247.497.937	-
Cộng	<u>6.289.457.232</u>	<u>26.819.420</u>

23. PHẢI TRẢ NỘI BỘ

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Cty CP Tư vấn thiết kế và XD Công nghiệp HANAKA	-	17.826.766.722
Công ty Cổ phần Rexam Hanacans	-	239.908.942.998
Công ty Cổ phần REXAM A.B.M	-	161.172.637.447
Công ty Cổ phần cáp điện Hanaka - Korea	818.918.355	30.613.962.019
Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka	-	20.177.761.221
Cộng	<u>818.918.355</u>	<u>469.700.070.407</u>

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.501.082.035	1.214.709.668
Bảo hiểm xã hội	254.153.293	152.835.800
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	139.710.000	124.710.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	58.987.907.909	2.300.813.430
Bao gồm:		
<i>Số dư có phải thu khác</i>	<i>542.556.079</i>	<i>549.010.102</i>
<i>Tiền đặt cọc của nhân viên</i>	<i>575.407.504</i>	<i>566.450.000</i>
<i>Công ty TNHH SEIYO Việt Nam</i>	<i>378.266.667</i>	<i>378.266.667</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>57.491.677.659</i>	<i>807.086.661</i>
Cộng	<u>60.882.853.237</u>	<u>3.793.068.898</u>

25. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần bao bì Hanaka A.B.M	-	28.469.710.469
Công ty TNHH Hồng Ngọc	-	13.797.535.000
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	6.040.000.000	10.040.000.000
Cộng	<u>6.040.000.000</u>	<u>52.307.245.469</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VND
Ngân hàng NN và PTNT tỉnh Bắc Ninh (i)	86.430.452.598	108.039.452.598
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD 6 (ii)	56.089.535.000	53.792.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD 6 (iii)	63.500.000.000	96.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD 6 (iv)	39.672.830.763	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I (v)	58.964.800.000	72.110.700.000
Cộng	304.657.618.361	329.942.152.598

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tín dụng số 2600 - LAV- 201000305 ngày 19/05/2010 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Bắc Ninh. Hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích vay là bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ, giải tỏa, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Hanaka. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay VND là 15,3% và USD, EUR là 7,5%, điều chỉnh lãi 3 tháng 1 lần. Bảo đảm tiền vay là các tài sản hình thành trong tương lai tại Khu công nghiệp Hanaka của Công ty.
- (ii) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/175407/2013/HĐTDDH ngày 29/10/2013 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1, số tiền vay là 67.589.535.000 VND. Mục đích vay là phục vụ cho hoạt động đầu tư máy móc thiết bị thuộc dự án Đầu tư, mở rộng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị sản xuất dây và cáp điện của Công ty. Thời hạn vay là 07 năm. Lãi suất cho vay VND là 12,5%, điều chỉnh lãi 3 tháng 1 lần. Bảo đảm tiền vay là toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ vốn vay của dự án.
- (iii) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01-2009/HANAKA-SGD/HĐTĐH ngày 31/07/2009 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Sở giao dịch. Hạn mức tín dụng là tổng số tiền gốc bằng VND tối đa tương ứng 7.609.805 USD. Mục đích vay là sử dụng thanh toán tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Hanaka Iljin. Thời hạn vay là 72 tháng. Lãi suất được tính bằng tổng 3%/năm và lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm dân cư bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng). Bảo đảm tiền vay là cầm cố toàn bộ quyền góp vốn pháp nhân mới sau khi mua lại Công ty Cổ phần Hanaka Iljin; 8.583.400 cổ phần của Ông Mẫn Ngọc Anh tại Công ty Cổ phần Hanaka; thế chấp tài sản của bên thứ 3 là 55,78 m² và tài sản gắn liền trên đất của Ông Mẫn Ngọc Anh và vợ là Bà Lê Thu Hà tại số 206 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội; tài sản gắn liền trên đất thuê 50 năm của Công ty Cổ phần Hanaka tại 208 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội.
- (iv) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/175407/2014/HĐTĐ ngày 30/06/2014 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1, số tiền vay là 59.792.550.763 đồng. Mục đích vay là đầu tư dự án máy móc thiết bị sản xuất dây điện từ của Công ty Cổ phần Sản xuất dây điện từ Hanaka (Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka nhận nợ thay Công ty Cổ phần Sản xuất dây điện từ Hanaka). Thời hạn vay là 28 tháng. Lãi suất cho vay VND là 3,5% cộng với lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng, điều chỉnh lãi 6 tháng 1 lần.
- (v) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03.175407/2013/HĐTDDH ngày 29/11/2013 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1, số tiền vay là 3.500.000 USD. Mục đích vay là phục vụ cho hoạt động đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Thời hạn vay đến hết ngày 10/10/2021. Lãi suất cho vay USD là 8,5%, điều chỉnh lãi 3 tháng 1 lần. Bảo đảm tiền vay là toàn bộ các tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đứng tên Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka Korea.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/03/2013	766.111.437.372	136.107.750.000	146.826.326.015	1.049.045.513.387
Lợi nhuận trong năm	-	-	14.649.641.915	14.649.641.915
Giảm khác	-	-	(154.148.188)	(154.148.188)
Số dư tại ngày 31/03/2014	766.111.437.372	136.107.750.000	161.321.819.742	1.063.541.007.114
Tăng vốn góp trong kỳ	197.780.812.628	-	-	197.780.812.628
Tăng vốn bằng cổ phiếu thưởng (i)	136.107.750.000	(136.107.750.000)	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	45.248.131.012	45.248.131.012
Cổ tức năm 2014	-	-	(56.966.035.000)	(56.966.035.000)
Khác	-	-	(40.565.875)	(40.565.875)
Số dư tại ngày 31/03/2015	1.100.000.000.000	-	149.563.349.879	1.249.563.349.879

Giải thích: (i) Phân phối lợi nhuận và trả cổ tức trong kỳ: Theo Nghị quyết ĐHCĐ số 19/NQ-ĐHCĐ ngày 28/12/2014 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận và trả cổ tức như sau:

- Trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 5,91% với giá trị là 56.966.035.000 VND.
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 14,1206% với giá trị là 136.107.750.000 VND bằng nguồn từ thặng dư vốn cổ phần.

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 ngày 05/08/2011, vốn điều lệ của Công ty là 1.100.000.000.000 VND, vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/03/2015 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/03/2014		Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/03/2015	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Hồng Ngọc	488.449.307.372	63,76	744.858.570.000	67,71
Mẫn Ngọc Anh	186.334.000.000	24,32	252.332.280.000	22,94
Đặng Đình Tinh	33.691.030.000	4,40	38.448.420.000	3,50
Các cổ đông khác	57.637.100.000	7,52	64.360.730.000	5,85
Tổng cộng	766.111.437.372	100,00	1.100.000.000.000	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hoá	1.662.322.878.560	2.538.119.082.450
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.541.512.110	109.676.397.852
Cộng	1.677.864.390.670	2.647.795.480.302
Các khoản giảm trừ doanh thu	44.349.539	71.999.999
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	44.349.539	71.999.999
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.677.820.041.131	2.647.723.480.303

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	1.568.703.268.306	2.446.030.840.744
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.675.775.784	96.997.092.686
Cộng	1.572.379.044.090	2.543.027.933.430

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	281.768.189	522.348.840
Doanh thu chuyển nhượng cổ phiếu Rexam Hanaka	6.628.149.931	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.513.599.233	3.393.927.781
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.327.722.883	3.364.019.088
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	276.538.603	1.661.198.027
Cộng	52.027.778.839	8.941.493.736

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND	VND
Chi phí lãi tiền vay	58.041.127.471	60.455.575.932
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.586.214.735	3.892.005.279
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.474.114.228	60.809.572
Chi phí tài chính khác	-	68.253.132
Cộng	62.101.456.434	64.476.643.915

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND	VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	32.255.498.305
Thu khác	716.118.320	2.499.659.874
Thu nhập khác	716.118.320	34.755.158.179
Chi phí thanh lý Bất động sản đầu tư	3.637.599.000	32.259.321.265
Chi phí khác	479.834.419	791.714.241
Chi phí khác	4.117.433.419	33.051.035.506
Lợi nhuận khác	(3.401.315.099)	1.704.122.673

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	46.495.628.949	14.649.641.915
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(40.825.183.781)	(14.649.641.915)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	48.024.522.283	14.649.641.915
Bù lỗ các năm trước	4.510.923.050	11.255.714.134
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.513.599.233	3.393.927.781
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.199.338.502	-
Thu nhập chịu thuế	5.670.445.168	-
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.247.497.937	-

Công ty đang xác định lợi tức kế toán tương đương với lợi tức tính thuế và đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

34. CHI PHÍ VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31/03/2015, một số khoản công nợ ứng trước cho các nhà thầu xây dựng đã phát sinh từ thời điểm trước, tuy nhiên thời điểm hiện tại các nhà thầu không còn tiếp tục thực hiện công việc và Công ty chưa hoàn thiện được các hồ sơ nghiệm thu đối với những nhà thầu này. Do đó, chi phí xây dựng cơ bản có thể thay đổi khi Công ty quyết toán các chi phí đầu tư xây dựng cơ bản với các nhà thầu.

Công ty chưa thực hiện trích dự phòng bảo hành sản phẩm đối với các sản phẩm máy biến áp do Công ty sản xuất theo điều khoản thỏa thuận trong các hợp đồng cung cấp máy biến áp, giá trị bảo hành sản phẩm máy biến áp của Công ty tối đa là 5% giá trị hợp đồng trong thời gian từ 12 tháng đến 18 tháng. Căn cứ trên số liệu thống kê của Công ty thì hàng năm có phát sinh chi phí bảo hành liên quan và thường nhỏ hơn tỷ lệ chi phí bảo hành đã quy định trên hợp đồng. Do đó, Công ty đã quyết định không trích lập dự phòng và sẽ hạch toán thẳng chi phí bảo hành phát sinh hàng năm vào chi phí trong kỳ. Điều này có thể dẫn đến làm cho chi phí bảo hành phát sinh hàng năm không đều, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào nhóm sản phẩm chính là kinh doanh các sản phẩm cáp điện, máy biến áp, bao bì kim loại và các sản phẩm điện khác. Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty chưa áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Công ty chưa áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VND
Các khoản vay	690.307.928.032	767.734.609.544
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.416.437.752	65.471.147.083
Nợ thuần	685.891.490.280	702.263.462.461
Vốn chủ sở hữu	1.249.563.349.879	1.063.541.007.114
Hệ số nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,55	0,66

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	31/03/2015	01/04/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.416.437.752	65.471.147.083
Phải thu khách hàng và phải thu khác	345.150.392.016	536.175.369.385
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	867.704.593.747	724.039.746.369
Tài sản tài chính khác	-	-
Tổng cộng	1.217.271.423.515	1.325.686.262.837
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	690.307.928.032	767.734.609.544
Phải trả người bán và phải trả khác	299.675.149.531	127.962.551.168
Chi phí phải trả	1.327.224.423	4.901.602.325
Tổng cộng	991.310.301.986	900.598.763.037

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm 31/03/2015, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/03/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.416.437.752	-	4.416.437.752
Phải thu khách hàng và phải thu khác	345.150.392.016	-	345.150.392.016
Đầu tư dài hạn	-	867.704.593.747	867.704.593.747
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Cộng	349.566.829.768	867.704.593.747	1.217.271.423.515
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	385.650.309.671	304.657.618.361	690.307.928.032
Phải trả người bán và phải trả khác	293.635.149.531	6.040.000.000	299.675.149.531
Chi phí phải trả	1.327.224.423	-	1.327.224.423
Cộng	680.612.683.625	310.697.618.361	991.310.301.986
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	(331.045.853.857)	557.006.975.386	225.961.121.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Tại ngày 01/04/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.471.147.083	-	65.471.147.083
Phải thu khách hàng và phải thu khác	536.175.369.385	-	536.175.369.385
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	724.039.746.369	724.039.746.369
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Cộng	601.646.516.468	724.039.746.369	1.325.686.262.837
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	437.792.456.946	329.942.152.598	767.734.609.544
Phải trả người bán và phải trả khác	75.655.305.699	52.307.245.469	127.962.551.168
Chi phí phải trả	4.901.602.325	-	4.901.602.325
Cộng	518.349.364.970	382.249.398.067	900.598.763.037
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	83.297.151.498	341.790.348.302	425.087.499.800

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2015 của Công ty.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2014 đã được kiểm toán.



Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Trần Lục Xít
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

Văn phòng Hà Nội

Tầng 4, 168 Đường Láng, P. Thịnh Quang,
Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
Tel :+84-4 3577 0781
Fax:+84-4 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, P. 15,
Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel :+84-8 3840 6618
Fax:+84-8 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan,
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel :+84-31 353 4655
Fax:+84-31 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn

